

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2023/DS-ST

Ngày 04-8-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Vào khoảng năm 2005-2006, bà có cho ông N mượn 01 chung hụi 300.000 đồng của bà tham gia của người khác, sau khi hốt hụi thì bà giao cho ông N số tiền hơn 15.000.000 đồng, số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ, hàng tháng hụi viên bỏ bao nhiêu thì ông N phải đóng cho bà bằng số tiền hụi viên bỏ hốt, phần còn lại là bà đóng cho đủ 300.000 đồng để đóng cho chủ hụi. Đến khi mãn hụi vào năm

2009 thì ông N phải trả cho bà bằng số tiền 17.100.000 đồng (số tiền tính đến khi mãn hạn), ông N không có đóng lãi cho bà 1.700.000 đồng/01 tháng như ông N trình bày. Sau đó, đến năm 2009 ông N bỏ đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, đến năm 2018 trở về địa phương thì bà với ông N có thống nhất ông N còn nợ bà số tiền 17.100.000 đồng quy đổi ra vàng tại thời điểm năm 2009 thì tương đương với 10 chỉ vàng 24kara, đồng ý trả cho bà bằng 10 chỉ vàng 24kara. Nên ông N có viết tờ giấy bắt đầu từ chữ “Từ ngày ...đếngiờ” và ký tên N do ông N tự viết và ký tên, hứa hẹn trả từ ngày 15 đến 20 trả 05 chỉ vàng 24kara, bà không nhớ tháng, năm nào do trong giấy lúc đó không ghi cụ thể, sau đó sẽ trả tiếp 05 chỉ vàng 24kara còn lại cho bà nhưng đến nay không trả. Việc ông N cho rằng có chuyển tiền về trả cho bà 02 lần được 08 chỉ vàng 24kara là không có. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N trả số vàng còn nợ là 10 chỉ vàng 24kara.

Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thì bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông không nhớ thời gian nào ông có mượn 01 chung hạn 300.000 đồng do bà N tham gia của người khác, thì bà N giao cho ông số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ, hàng tháng hạn viên bỏ bao nhiêu thì ông phải đóng cho bà N bằng số tiền hạn viên bỏ hạn hết, phần còn lại là bà N đóng cho đủ 300.000 đồng để đóng cho chủ hạn. Đến khi mãn hạn thì ông phải trả cho bà N bằng số tiền 17.100.000 đồng, sau đó do không có tiền trả nên bà N chuyển sang tiền vay ông phải đóng lãi cho bà N 1.700.000 đồng/01 tháng. Sau đó, ông có đóng lãi thời gian dài cho bà N đến năm 2009 do không có khả năng đóng lãi nên ông đã bỏ đi lên tỉnh Bình Dương làm thuê sinh sống. Đến năm 2018 thì giữa ông với bà N có thống nhất số tiền ông còn nợ bà N là 17.100.000 đồng quy đổi ra vàng tại thời điểm năm 2018 chứ không phải năm 2009 như bà N trình bày thì tương đương với 10 chỉ vàng 24kara. Nên ông có ký vào giấy bắt đầu từ chữ “Từ ngày ...đếngiờ” và ký tên N do ông tự viết và ký tên, giao cho bà N giữ và hứa hẹn trả cho bà N. Sau đó, ông có chuyển tiền mặt về qua Bưu điện, không nhớ số tiền bao nhiêu mà quy đổi ra vàng trả lúc đó bằng 05 chỉ vàng 24kara. Sau đó, đến thời gian nào ông không nhớ ông có trả trực tiếp cho bà N số tiền tương đương 03 chỉ vàng 24kara, bà N trực tiếp điện ra tiệm vàng hỏi giá vàng thì ông trả tiền tương đương bằng 03 chỉ vàng 24kara. Tổng cộng cả hai lần thì ông đã trả cho bà N được 08 chỉ vàng 24kara, ông đều không có giấy tờ gì chứng minh cũng như không có ai chứng kiến. Nay ông đã trả cho bà N được 08 chỉ vàng 24kara nên chỉ còn nợ lại 02 chỉ vàng 24kara, ông đồng ý trả cho bà N 02 chỉ vàng 24kara.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Ngô Thị N khởi kiện ông Nguyễn Văn N trả số vàng còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn N cư trú tại ấp B, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định

tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn N là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, bà Ngô Thị N yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà Ngô Thị N số vàng còn nợ là 10 chỉ vàng 24kara. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn N không đồng ý vì cho rằng đã trả được 08 chỉ vàng 24kara nên chỉ còn nợ lại 02 chỉ vàng 24kara, ông N đồng ý trả cho bà N 02 chỉ vàng 24kara.

Các đương sự đều thừa nhận bà N có cho ông N mượn 01 chung hụi 300.000 đồng do bà N tham gia của người khác, sau đó bà N hốt hụi thì bà N giao cho ông N số tiền hụi hốt được, bà N cho rằng giao cho ông N số tiền hơn 15.000.000 đồng, còn ông N thì không nhớ là bao nhiêu, theo thỏa thuận hàng tháng hụi viên bỏ bao nhiêu thì ông N phải đóng cho bà N bằng số tiền hụi viên bỏ hụi hốt, phần còn lại là bà N đóng cho đủ 300.000 đồng để đóng cho chủ hụi. Đến khi mãn hụi thì ông N phải trả cho bà N bằng số tiền 17.100.000 đồng, sau đó đến năm 2009 ông N bỏ đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương. Đến năm 2018 thì ông N trở về địa phương nên giữa ông N với bà N có thống nhất số tiền ông N còn nợ bà N là 17.100.000 đồng quy đổi ra vàng thì tương đương với 10 chỉ vàng 24kara. Nên ông N có ký vào giấy đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ bằng 10 chỉ vàng 24kara, bắt đầu từ chữ “Từ ngày ...đếngiờ” và ký tên N do ông N tự viết và ký tên, giao cho bà N giữ và hứa hẹn trả cho bà N. Như vậy, giữa các đương sự đã thống nhất với nhau ông N còn nợ bà N 10 chỉ vàng 24kara.

Đối với việc trả nợ thì ông N cho rằng ông N có chuyển tiền mặt về qua Bưu điện, không nhớ số tiền bao nhiêu mà quy đổi ra vàng trả lúc đó bằng 05 chỉ vàng 24kara. Sau đó, đến thời gian nào ông N không nhớ ông N có trả trực tiếp cho bà N số tiền tương đương 03 chỉ vàng 24kara, bà N trực tiếp đi ra tiệm vàng hỏi giá vàng thì ông N trả tiền tương đương bằng 03 chỉ vàng 24kara. Cả hai lần ông N đã trả cho bà N được 08 chỉ vàng 24kara nhưng đều không có giấy tờ gì chứng minh cũng như không có ai chứng kiến. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận ông N có trả được 08 chỉ vàng 24kara. Ông N cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh có trả cho bà N được 08 chỉ vàng 24kara. Do đó, lời trình bày của ông N là có trả cho bà N 08 chỉ vàng 24kara không được chấp nhận. Mà có đủ căn cứ xác định ông N còn nợ bà N 10 chỉ vàng 24kara đến nay chưa trả. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn N trả 10 chỉ vàng 24kara còn nợ là có căn cứ chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N, buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà Ngô Thị N 10 chỉ vàng 24kara là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N phải chịu án

phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Giá vàng để tính án phí là 5.440.000 đồng/01 chỉ vàng 24kara.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà Ngô Thị N 10 (Mười) chỉ vàng 24kara.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Văn N phải chịu số tiền 2.720.000 đồng. Bà Ngô Thị N đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.425.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018934 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay hoàn trả lại toàn bộ cho bà Ngô Thị N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ